

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-ST

Ngày: 22-6-2022

V/v hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Ông Nguyễn Ngọc Bờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu – kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; Địa chỉ: tổ 30, ấp BH 2, xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Nơi cư trú: ấp BH 2, xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vắng mặt

Người làm chứng: Cao Vũ Ph, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ 30, ấp BH 2, xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và bà T có biết nhau từ thời còn đi xà lan, sau đó thông qua sự giới thiệu của ông Cao Vũ Ph nên bà có cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) vào ngày 15/11/2019. Thời hạn vay là 05 tháng, tối đa khoảng 07 tháng, từ

ngày 15/11/2019 đến ngày 15/6/2020, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, lãi đóng hàng tháng, vốn trả 01 lần khi đến hạn.

Khi vay 02 bên có làm biên nhận ngày 15/11/2019, biên nhận do bà viết có chữ ký của bà T, số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) bà giao cho bà T 01 lần tại nhà của ông Cao Vũ Ph, có sự chứng kiến của ông Ph. Ngoài ra, bà không có giữ bất kỳ tài sản hay nhận biện pháp bảo đảm nào từ bà T.

Tuy nhiên, cho đến nay bà T vẫn không đóng lãi hay trả vốn lần nào. Dù bà đã nhiều lần tìm kiếm và đến nhà bà T nhắc nhở nhưng phía bà T còn hăm dọa và thách thức đi thưa kiện. Do thời điểm đó bà T bế nợ nhiều người nghĩ có đòi cũng chưa trả bà ngay lúc đó được và khi đó gia đình bà thì công việc lu bu, dịch bệnh nên bà vẫn chỉ nhắc nhở, đòi bà T mà chưa khởi kiện cũng không có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương hoà giải.

Nay bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả bà số tiền vốn vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật kể từ 15/11/2019 cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không tham gia phiên họp và không gửi tự khai trình bày ý kiến do đó không ghi nhận được ý kiến của của bà T.

- Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm điều 70 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L vốn vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2020 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị L khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T là phù hợp với qui định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án*:

[2.1] Bà L căn cứ vào biên nhận nợ ngày 15/11/2019, khởi kiện yêu cầu bà T về hợp đồng vay tài sản đối với số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn. Tuy nhiên bà từ chối nhận các văn bản tố tụng và vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.2] Theo biên nhận nợ ngày 15/11/2019 có chữ ký và chữ viết tên của người hỏi mượn là Nguyễn Thị T, nội dung biên nhận *“tôi tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Nguyên quán: BM, Châu Phú, An Giang. Nơi ĐKKK thường trú: BH 2, BM, Châu Phú, An Giang. Hôm nay tôi có hỏi mượn của Liễu, tên Nguyễn Thị L sinh năm 1971 cùng xã tỉnh chung. Số tiền mượn của tôi là 30.000.000 (ba mươi triệu đồng chẵn). Tôi hứa 5 tháng sẽ trả lại. Kể từ ngày 15-11-2019 đến ngày 15-6-2020. Nếu có gì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm. Người hỏi mượn Tuyết – Nguyễn Thị T; Người cho mượn Nguyễn Thị L”*.

[2.3] Đồng thời, theo biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2022 người làm chứng Cao Vũ Ph xác định: ông chứng kiến việc bà L cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), việc giao nhận tiền và làm biên nhận được thực hiện tại nhà ông. Bà T không có ý kiến và không bác bỏ đối với chứng cứ do bà L cung cấp cũng như lời khai của người làm chứng.

[2.4] Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận nợ ngày 15/11/2019 và lời khai của người làm chứng Cao Vũ Ph, xét thấy đã có đủ cơ sở để xác định giữa bà L và bà T có xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản, việc giao dịch này phù hợp với qui định pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Theo biên nhận thì hợp đồng vay giữa bà L và bà T là hợp đồng vay có thời hạn, *“tôi hứa 5 tháng sẽ trả lại, kể từ ngày 15/11/2019 đến ngày 15/6/2020”*, nay bà L cũng xác định thời hạn trả là vào ngày 15/6/2020. Tuy nhiên khi đến hạn trả và cho đến nay, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với hợp đồng vay do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

[2.5] Về tiền lãi: Bà L cho rằng lãi suất thoả thuận là 3%/tháng nhưng bà T chưa đóng lãi lần nào và nay yêu cầu tính lãi từ ngày 15/11/2019 cho đến nay với mức lãi suất quy định pháp luật. Tuy nhiên, biên nhận nợ không thể hiện thoả thuận về tiền lãi hay mức lãi suất và nay không có sự thừa nhận của bà T rằng đây hợp đồng vay có lãi. Căn cứ vào biên nhận ngày 15/11/2019, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng có thời hạn nhưng không có lãi.

[2.6] Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về lãi của bà L, cụ thể buộc bà T trả tiền lãi đối với số tiền vốn vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tính từ ngày đến hạn trả nợ là ngày 15/6/2020 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể:

$30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm } 06 \text{ ngày} = 6.049.000 \text{ đồng}$ (sáu triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn đồng)

Như vậy, tổng số tiền bà T có nghĩa vụ trả cho bà L là: 30.000.000 đồng + 6.049.000 đồng = 36.049.000 đồng (ba mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn đồng)

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận do đó bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L tạm ứng án phí đã nộp. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 36.049.000 đồng (ba mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 6.049.000 đồng (sáu triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.802.000 đồng (một triệu tám trăm lẻ hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003640 ngày 08/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương